

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế Quản lý nợ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SƠN ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 04 năm 2021.
- Căn cứ Nghị quyết 10/2022/NQ-HĐQT ngày 25/10/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Sơn Đồng Nai V/v: Thông qua Quy chế Quản lý nợ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành Quy chế Quản lý nợ.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02/11/2022.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà Nước & SGDCK Hà Nội.
- Hội Đồng Quản Trị & Ban Kiểm Soát.
- Ban Tổng Giám đốc.
- Lưu: Người QTCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Nguyễn Phạm Thuyên

QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ
CÔNG TY CỔ PHẦN SON ĐỒNG NAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 294/2022/QĐ-SDN-HĐQT ngày 02/11/2022
của Hội đồng quản trị Công ty CP Sơn Đồng Nai)*

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế này được lập ra nhằm tăng cường theo dõi và quản lý các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả. Quy định quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ, đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đơn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng, tránh gây tổn thất cho Công ty; đồng thời phù hợp chuẩn mực kế toán và chính sách pháp luật về thuế của Nhà nước.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Các Trưởng phòng/Chi nhánh trực thuộc Công ty và các cá nhân liên quan đến công tác quản lý nợ thuộc Công Ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

3.1. “Công ty” là Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai.

3.2. “Nợ phải thu” là các khoản nợ phát sinh mà các tổ chức, cá nhân chưa thanh toán cho Công ty, bao gồm: phải thu của khách hàng về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trả tiền trước cho người bán, các khoản tạm ứng, các khoản phải thu khác (bao gồm Công ty và chi nhánh trực thuộc).

3.3. “Nợ tồn đọng” là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán, Công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đơn đốc thanh toán nhưng vẫn không thu hồi được và các khoản nợ phải trả đã quá thời hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ.

3.4. “Nợ phải thu khó đòi” là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán trên 06 tháng tính theo thời hạn cuối cùng phải trả nợ (không kể thời gian gia hạn trả nợ) hoặc từ ngày ghi trên hóa đơn và theo nguyên tắc thời điểm nào xảy ra sau, Công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đơn đốc thanh toán nhưng vẫn không thu được tiền hoặc là các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ là tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang

thi hành án hoặc đã chết.

3.5. “Nợ không có khả năng thu hồi” là các khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán hoặc chưa đến thời hạn thanh toán thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

- Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả, không có người kế thừa nghĩa vụ trả nợ.

- Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, cá nhân còn sống nhưng không còn khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc người thừa kế theo luật nhưng không có khả năng chi trả.

- Khách nợ đã được cơ quan có thẩm quyền Quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.

- Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.

- Các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên, tuy khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ liên tục và quá khó khăn, hoàn toàn không có khả năng thanh toán, doanh nghiệp đã tích cực áp dụng các biện pháp nhưng vẫn không thu được nợ.

3.6. “Nợ phải trả” là các khoản nợ phát sinh từ việc mua hàng hóa dịch vụ của Công ty (bao gồm Công ty và Chi nhánh trực thuộc) với nhà cung cấp (người bán), các khoản nợ phải trả theo các thỏa thuận từ việc cản trừ công nợ và các khoản phải trả khác.

Điều 4: Nguyên tắc về Quản lý nợ và xử lý nợ

4.1. Việc quản lý nợ (bao gồm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả); phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng theo quy định của Quy chế này.

4.2. Việc huy động vốn, vay vốn của Công ty phải được tính toán, cân nhắc kỹ về hiệu quả kinh tế. Vốn huy động chỉ sử dụng, đầu tư vào mục đích kinh doanh không dùng vào mục đích khác. Vốn huy động phải được quản lý chặt chẽ, kinh doanh có hiệu quả. Công ty phải trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết khi huy động vốn.

4.3. Đối với các khoản nợ khó đòi hoặc không có khả năng thu hồi: Trước hết, Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính và tự tìm mọi biện pháp xử lý thu hồi nợ, cùng chia sẻ khó khăn giữa chủ nợ, khách nợ để xử lý thông qua các hình thức giãn nợ, giảm nợ, mua bán nợ; trường hợp vượt quá khả năng và thẩm quyền xử lý, Công ty phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp hỗ trợ giải quyết.

4.4. Các giải pháp về xử lý nợ phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở tổ chức sắp xếp, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp để có nguồn trả nợ nhằm lành mạnh hoá và ổn định lâu dài tình hình tài chính Công ty.

4.5. Đối với ác khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ, thực hiện quy đổi sang đồng tiền Việt Nam tại thời điểm hạch toán và lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

4.6. Định kỳ 06 tháng và kết thúc năm tài chính, cùng với việc lập và nộp báo cáo tài chính, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình quản lý và thu hồi nợ, xử lý nợ tồn đọng, khả năng và tình hình thanh toán nợ.

CHƯƠNG II: QUẢN LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Điều 5: Trách nhiệm trong việc quản lý nợ phải thu

Phân công trách nhiệm theo dõi, thu hồi, các khoản công nợ phải thu; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đơn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ phải thu tồn đọng:

5.1. Trách nhiệm của Phòng kinh doanh:

- Trưởng/Phó Phòng Kinh doanh có trách nhiệm đánh giá khách hàng, đề xuất, lập Hợp đồng mua bán trình Ban Tổng Giám đốc ký. Tiếp nhận, xử lý các yêu cầu liên quan đến việc cung cấp hàng hóa của Công ty, đơn đốc thu hồi công nợ.

- Chuyển các hợp đồng đã được ký kết hoặc đơn đặt hàng, phiếu yêu cầu giao hàng đã được Ban Tổng Giám Đốc chấp thuận làm cơ sở thực hiện, các hồ sơ/ tài liệu xác nhận việc giao nhận hàng hóa đã được cung cấp và biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có) kịp thời cho Phòng Kế toán.

- Trưởng/Phó Phòng Kinh doanh phải phân công cho nhân viên trong Phòng phối hợp với Phòng Kế toán thu hồi nợ; hỗ trợ ký các xác nhận nợ và đơn đốc thu hồi nợ từ các khách hàng do nhân viên đó phụ trách.

5.2. Trách nhiệm của Phòng kế toán-Thống kê trong công tác thu nợ:

- Trưởng Phòng Kế toán-Thống kê phân công kế toán công nợ theo dõi thu tiền đối với hàng hóa, dịch vụ Công ty cung cấp cho khách hàng. Cuối tháng gửi bảng đối chiếu xác nhận công nợ phải thu cho khách hàng ký và thu hồi lại cho Phòng kế toán Công ty để làm bằng chứng xác thực trong việc mua bán, thanh toán tiền hàng.

- Trường hợp khách hàng chưa thanh toán đúng hạn, hàng tháng phải lập giấy đề nghị thanh toán cho đến khi khách hàng thanh toán xong khoản nợ. Sau 03 (ba) kỳ gửi giấy báo mà khách hàng vẫn chưa thanh toán, nhân viên kế toán tập hợp đầy đủ hồ sơ công nợ và các giấy đề nghị thanh toán đã phát hành báo cho Tổng Giám đốc và phối hợp cùng với Phòng Kinh doanh để tiếp tục thu nợ của khách hàng.

- Trường hợp khách nợ là cá nhân bỏ trốn, đã chết, mất tích, đang thi hành án phạt tù hoặc người nợ là doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, người đại diện theo pháp luật của

doanh nghiệp bỏ trốn, chết, mất tích thì phòng Kế toán phải báo cáo Tổng Giám đốc trong thời gian sớm nhất để xem xét xử lý theo các quy định của pháp luật.

- Định kỳ 06 tháng và kết thúc năm tài chính phải thực hiện đối chiếu nợ phải thu với các đối tượng nợ.

- Theo dõi và mở đầy đủ sổ sách theo dõi các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ phải thu (nợ chậm luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ và trích lập các khoản dự phòng và xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi về mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổ chức đối chiếu xác nhận công nợ phải thu theo đúng quy chế quản lý nợ và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hồ sơ của tất cả các khoản nợ phát sinh đều phải đảm bảo đủ điều kiện về pháp lý theo qui định của Bộ luật dân sự.

5.3. Đối với nợ tạm ứng của cán bộ nhân viên Công ty và các đơn vị trực thuộc:

- Công nợ tạm ứng của Cán bộ, Nhân viên là khoản cá nhân tạm ứng tiền để chi phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh hoặc tạm ứng tiền để đi công tác...hoặc các khoản phải thu khác đối với Cán bộ Nhân viên.

- Khi làm thủ tục ứng tiền, người xin tạm ứng phải ghi rõ họ tên, nội dung tạm ứng, số tiền xin tạm ứng và thời hạn thanh toán. Khi hoàn trả hoặc thanh toán tạm ứng, tất cả đều phải có chứng từ, hóa đơn hợp lệ theo đúng quy định quản lý tài chính - kế toán hiện hành. Chứng từ thu phải ghi rõ ràng cho từng đối tượng, đồng thời kế toán phải mở sổ sách theo dõi công nợ tạm ứng cho từng đối tượng theo trình tự thời gian, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở hoàn trả nợ đúng hạn; kịp thời phát hiện những đối tượng có công nợ khó đòi để có biện pháp xử lý phù hợp.

5.4. Tổng giám đốc:

- Tổng Giám đốc chỉ đạo chung việc xử lý các khoản nợ bao gồm nợ phải thu, nợ phải trả của Công ty.

- Thành lập và là Chủ tịch Hội đồng thẩm định mức trích lập các khoản dự phòng và xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

- Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt việc xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi trên cơ sở số liệu của Hội đồng thẩm định.

5.5. Hội đồng thẩm định mức trích lập các khoản dự phòng và xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi:

- Thẩm định mức trích lập, hoàn nhập và xử lý nợ phải thu không còn khả năng thu hồi.

- Xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan đối với các nợ phải thu không có khả năng thu hồi để xác định trách nhiệm xử lý bồi thường của cá nhân, tập thể có liên

quan trình Hội đồng quản trị.

5.6. Hội đồng Quản trị:

- Phê duyệt việc xử lý những khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi do Tổng giám đốc trình.

- Giám sát Tổng Giám đốc trong việc quản lý và xử lý nợ.

Điều 6: Phân loại nợ phải thu và trích lập dự phòng

6.1. Phân loại nợ phải thu: Căn cứ vào thực trạng tài chính của đối tượng nợ và/hoặc thời hạn thanh toán nợ thực hiện phân loại nợ theo năm (05) nhóm như sau:

a) Nhóm 1 (Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán) bao gồm: Các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán.

b) Nhóm 2 (Nợ phải thu đến hạn thanh toán) bao gồm: Các khoản nợ đến hạn thanh toán.

c) Nhóm 3 (Nợ phải thu quá hạn thanh toán) bao gồm: Các khoản nợ quá hạn từ 01 ngày đến dưới 180 ngày theo quy định thanh toán trong Hợp đồng.

d) Nhóm 4 (Nợ phải thu khó đòi) bao gồm: Các khoản nợ quá hạn từ 180 ngày trở lên theo quy định thanh toán trong Hợp đồng.

đ) Nhóm 5 (Nợ phải thu không có khả năng thu hồi) bao gồm:

- Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

- Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả, không có người kế thừa nghĩa vụ trả nợ.

- Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, đang thi hành án phạt tù hoặc người thừa kế theo luật, nhưng không có khả năng chi trả, không có người kế thừa nghĩa vụ trả nợ.

- Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, cá nhân còn sống nhưng không còn khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc người thừa kế theo luật nhưng không có khả năng chi trả.

- Khách nợ đã được cơ quan có thẩm quyền Quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.

- Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.

- Các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên, tuy khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ và quá khó khăn, hoàn toàn không có khả năng thanh toán, doanh nghiệp đã tích cực áp dụng các biện pháp nhưng vẫn không thu được nợ.

6.2. Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được căn cứ vào các quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng mua bán, khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên. Khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện cho từng khoản nợ phải thu và tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Điều 7: Quy định trách nhiệm bồi thường nợ phải thu.

- Cá nhân được phân công theo dõi nợ phải thu, đơn đốc thu nợ; xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi nếu không thực hiện đúng trình tự và thời gian thông báo đến khách hàng hoặc chậm đề xuất các biện pháp chế tài đối với khách hàng dẫn đến khoản nợ phải thu nhưng không thu hồi được thì phải chịu trách nhiệm bồi thường.

- Căn cứ vào biên bản làm việc của Hội đồng xử lý nợ, các khoản nợ khó đòi không thu hồi được xử lý như sau:

- + Nếu do chủ quan của cá nhân hoặc tập thể thì cá nhân, tập thể đó phải bồi thường. Trường hợp mức bồi thường không bù đắp đủ thì phần chênh lệch còn thiếu được chuyển vào công nợ phải thu khó đòi và sử dụng quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi để bù đắp, trường hợp quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi vẫn không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- + Nếu do nguyên nhân khách quan thì Công ty sử dụng quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi để bù đắp nếu thiếu ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Thẩm quyền xử lý nợ: Hội đồng quản trị căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được.

Điều 8: Quyền hạn trong việc quản lý nợ phải thu

- Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, nợ phải

thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn trên nguyên tắc trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định, không thấp hơn giá trị trên sổ kế toán; trường hợp bán thấp hơn giá trị trên sổ kế toán thì trước khi thực hiện bán các khoản nợ phải thu Tổng Giám đốc phải có phương án đánh giá hiệu quả báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Công ty chỉ được bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ hoạt động phù hợp theo qui định của pháp luật Việt Nam, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ.

- Trên cơ sở tham khảo giá của tổ chức định giá, giá thị trường (nếu có), giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ mà dẫn tới Công ty bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán, dẫn đến tình trạng Công ty phải giải thể, phá sản thì Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ khó đòi phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Công ty thực hiện quyền khiếu nại, khởi kiện khi không thu hồi được nợ, quyền ủy quyền, thuê đòi nợ... thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III: QUẢN LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Điều 9: Trách nhiệm trong việc Quản lý nợ phải trả

Phân công trách nhiệm theo dõi các khoản công nợ phải trả; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, thanh toán các khoản nợ phải trả; Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ như sau:

9.1. Trách nhiệm của Phòng Kế toán:

- Kế Toán Trưởng xét duyệt và thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã quy định tại các hợp đồng, biên bản cam kết thanh toán...

- Hàng quý dựa trên báo cáo tài chính xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ phải trả của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ, báo cáo kịp thời các khoản nợ phải trả đến hạn nhưng không có khả năng thanh toán để Tổng Giám đốc xem xét, chỉ đạo các biện pháp xử lý giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập khác của Công ty.

- Kế Toán Trưởng phân công cho kế toán phụ trách theo dõi nợ phải trả:

- + Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng hoặc đơn đặt hàng... bao gồm cả các khoản lãi phải trả.

- + Trình phê duyệt và thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã quy định tại các Hợp đồng, biên bản cam kết thanh toán...

- + Phân loại các khoản nợ phải trả (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán) để cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ.

+ Định kỳ 06 tháng và kết thúc năm tài chính phải thực hiện đối chiếu nợ phải trả với các chủ nợ.

9.2. Trách nhiệm của Trưởng Phòng/Chi nhánh trực thuộc, Cán bộ Nhân viên được phân công theo dõi hồ sơ, xác nhận việc mua bán hàng hóa.

- Các cá nhân được phân công theo dõi, xác nhận, kiểm tra hồ sơ liên quan việc nhận hàng hóa dịch vụ/đơn đặt hàng/Bản yêu cầu cung cấp hàng hóa dịch vụ... phải chuyển toàn bộ hồ sơ kịp thời cho Phòng Kế toán-Thống kê.

9.3. Trách nhiệm của Tổng giám đốc:

- Tổng Giám đốc và cá nhân trong Ban Tổng giám đốc được ủy quyền/phân công việc phê duyệt thanh toán nợ phải trả kịp thời theo dõi hồ sơ do Phòng Kế toán và các Phòng/Chi nhánh trực thuộc trình theo thời hạn thỏa thuận tại các Hợp đồng, biên bản cam kết thanh toán...

- Trên cơ sở báo cáo đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ phải trả của Phòng Kế toán, Tổng giám đốc xem xét và chỉ đạo giải pháp khắc phục kịp thời, phù hợp như giãn nợ, cản trừ công nợ với bên thứ ba... không để phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn

- Có kế hoạch cân đối, tìm kiếm các nguồn tài chính hợp pháp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty.

Điều 10: Phân loại và phân tích khả năng thanh toán nợ phải trả

Phòng Kế toán-Thống kê phải phân loại nợ phải trả và xem xét, đánh giá, phân tích kỹ khả năng thanh toán nợ phải trả của Công ty:

10.1. Phân loại nợ phải trả: Căn cứ vào thời hạn thanh toán nợ phải trả thực hiện phân loại nợ theo ba (03) nhóm như sau:

a) Nhóm 1 (Nợ phải trả chưa đến hạn thanh toán) bao gồm: các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán.

b) Nhóm 2 (Nợ phải trả đến hạn thanh toán) bao gồm: Các khoản nợ đến hạn thanh toán.

c) Nhóm 3 (Nợ phải trả đã quá hạn thanh toán) bao gồm: Các khoản nợ đã quá hạn thanh toán.

10.2. Xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ phải trả của Công ty: Phải thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty từ đó đưa ra những giải pháp tài chính kịp thời để không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 11: Quy định trách nhiệm bồi thường nợ phải trả

- Trường hợp Công ty vi phạm điều khoản thanh toán dẫn đến nhà cung cấp phạt

lãi chậm trả hoặc Tòa án có thẩm quyền phán quyết khoản phạt do lỗi của Công ty mà cá nhân được phân công theo dõi, xác nhận, kiểm tra hồ sơ liên quan đến việc nhận hàng hóa, dịch vụ; cá nhân theo dõi nợ phải trả; cá nhân được phân công xét duyệt, phê duyệt thanh toán các khoản nợ phải trả không thực hiện kịp thời hoặc không phải do nguyên nhân Công ty gặp khó khăn về tài chính thì cá nhân được phân công theo dõi, thực hiện phải chịu trách nhiệm bồi thường, mức bồi thường được xác định theo tiền lãi chậm trả và tỉ lệ bồi thường (tính theo tỉ lệ phần trăm).

- Thẩm quyền xử lý các khoản phạt: Tổng giám đốc được quyết định xử lý các khoản bị phạt có giá trị đến 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Các trường hợp khác do Hội đồng Quản trị phê duyệt xử lý.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

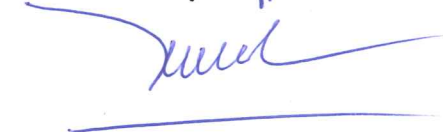
Điều 12: Triển khai thực hiện Quy chế

- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng, Trưởng Phòng nghiệp vụ/Chi nhánh trực thuộc Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này, đồng thời phải thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nợ hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu có quy định mới của Pháp luật làm thay đổi từng phần hoặc toàn bộ nội dung Quy chế, hoặc Hội đồng Quản trị có các văn bản khác thay thế mà Quy chế này chưa được 0 sửa đổi, bổ sung kịp thời thì mặc nhiên được thực hiện theo Pháp luật hiện hành và các văn bản thay thế.

- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Phạm Thuyền